

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Trái đất; Chuyên ngành: Trắc địa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **HÀ THỊ HẰNG**

2. Ngày tháng năm sinh: **31/12/1981**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Đức Vĩnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà 19, ngách 55/13, ngõ 55, đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ:

- Họ và tên: Hà Thị Hằng

- Địa chỉ liên hệ: Số nhà 15, ngách 105/42/9, ngõ 105, đường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội.

- Điện thoại di động: **0988 441 584**;

- E-mail: hanght@huce.edu.vn;

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 04 năm 2006 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Trắc địa, Khoa Cầu đường, Trường Đại học Xây Dựng Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 02 năm 2020 đến nay: Giảng viên chính, Bộ môn Trắc địa, Khoa Cầu đường, Trường Đại học Xây Dựng Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: **Giảng viên chính** ; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Xây Dựng Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 55 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3863 0001

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): *Không*

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm: *Chưa nghỉ hưu*

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): *Chưa nghỉ hưu*

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): *Không có*

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 10 tháng 10 năm 2005; số văn bằng: C707035; số vào sổ: 45-0456; ngành: Trắc địa;

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 31 tháng 10 năm 2009; số văn bằng: 009418; số vào sổ: 000969; ngành: Kỹ thuật Trắc địa;

Nơi cấp bằng Thạc sỹ: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sỹ theo Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số: 407/QĐ-ĐHKHTN ngày 25 tháng 02 năm 2021; số văn bằng: QT002480; số vào sổ: QHT21.46; chuyên ngành: Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý (GIS);

Nơi cấp bằng Tiến sỹ: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: *Chưa*

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Ngành: Khoa học Trái đất – Mỏ

Chuyên ngành: Trắc địa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) và các phương pháp phân tích thống kê trong đánh giá, phân vùng và dự báo tai biến thiên nhiên.

- Ứng dụng công nghệ địa không gian và GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, quy hoạch đô thị và giảm thiểu rủi ro thiên tai.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **02 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **02 đề tài cấp Trường trọng điểm** và **01 đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo** với vai trò chủ nhiệm.
- **54 bài báo khoa học** (35 bài là tác giả chính), trong đó 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín SCI(E) và SCOPUS, bao gồm 06 bài SCI(E) Q1, 01 bài SCI(E) Q3, 08 bài SCOPUS, trong đó 07 bài ứng viên là tác giả chính; 19 bài báo đăng trên tạp chí khoa học ACI và tạp chí khoa học có uy tín trong nước (12 bài thuộc tạp chí ACI), trong đó 14 bài ứng viên là tác giả chính; 19 bài báo trình bày và đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế, trong đó 14 bài ứng viên là tác giả chính.
- Số lượng trích dẫn (citations) và chỉ số Hindex trên google scholar của ứng viên: **Số lượng trích dẫn (Citations): 182, H-index = 8, i10-index = 6.**

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2020-2021: Quyết định số 904/QĐ-ĐHXDHN ngày 30/09/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội;
- Giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018 của Đảng ủy Trường Đại học Xây dựng Hà Nội;
- Giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020 của Đảng ủy Trường Đại học Xây dựng Hà Nội;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không.**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo tiêu chuẩn:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt;
- Có chuyên môn được đào tạo phù hợp;

- Có bằng tiến sĩ với chuyên môn phù hợp với công việc đào tạo, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;
- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc;
- Tác phong, lối sống lành mạnh, gương mẫu; Chấp hành tốt các nội quy, quy định của Nhà trường, pháp luật của Nhà nước; Không vi phạm đạo đức Nhà giáo;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng;
- Có sức khỏe đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

Theo nhiệm vụ:

- Hoàn thành xuất sắc khối lượng giảng dạy được phân công;
- Hoàn thành và vượt khối lượng nghiên cứu khoa học theo quy định;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo về đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện tốt quy định của pháp luật và điều lệ của Nhà trường;
- Không ngừng rèn luyện trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng thời gian công tác tại trường Đại học Xây dựng Hà Nội: 17 năm 03 tháng (từ 01/04/2007 đến 30/6/2024).
- Tổng số thâm niên đào tạo: 17 năm (04/2007 – 06/2023), trong đó không kể thời gian là giảng viên tập sự (04/2006 – 04/2007).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019	-	-	-	02	508.80	-	508.80/1554.19/270.0
2	2019-2020				00	555.60	-	555.60/1498.54/270.0
3	2020-2021				04	424.40	-	424.40/994.99/270.0
03 năm học cuối								
4	2021-2022	-	-	-	04	270.80	-	270.80/692.57/270.0
5	2022-2023	-	-	02	00	153.50	80.0	153.50/335.55/229.5
6	2023-2024	-	-	-	00	225.20	-	225.20/517.03/229.5

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài

- Học ĐH ; Tại nước:.....; Từ nămđến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước..... Năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội, số bằng: ĐH000958, năm cấp: 20/08/2019, số vào sổ: 18/ĐT20-VB2.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác: ; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân Ngôn ngữ Anh.

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Hoàng Thị An		X	X		8/2022 - 5/2023	Trường ĐH Xây dựng Hà Nội	QĐ công nhận và cấp bằng số 674/QĐ-ĐHXDHN ngày 31 tháng 05 năm 2023
2	Lưu Văn Điệp		X	X		8/2022 - 5/2023	Trường ĐH Xây dựng Hà Nội	QĐ công nhận và cấp bằng số 674/QĐ-ĐHXDHN

								ngày 31 tháng 05 năm 2023
--	--	--	--	--	--	--	--	------------------------------

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Trắc địa	GT	Nhà xuất bản Xây dựng, 2017	07	Trần Đình Trọng	- Chương 2 (từ trang 22 đến trang 37). - Chương 7 (từ trang 106 đến trang 140).	322/XN-ĐHXDHN Ngày 20/6/2024
2	Cơ sở viễn thám	GT	Nhà xuất bản Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2018	01	Hà Thị Hằng		320/XN-ĐHXDHN Ngày 20/6/2024
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Công Nghệ GIS	GT	Nhà xuất bản Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2023	04	Hà Thị Hằng, Lưu Thị Diệu Chinh		49/XN-ĐHXDHN Ngày 20/6/2023

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở dữ liệu hành lang an toàn đường bộ tại Hà Nội.	CN	112-2016/KHXD-TĐ Cấp cơ sở trọng điểm	Từ tháng 05/2016 đến tháng 05/2017	Biên bản đánh giá kết quả đề tài NCKH cấp trường ngày 19/06/2017 và Giấy xác nhận của phòng Khoa học Công nghệ về việc hoàn thành đề tài ngày 20/6/2024. Xếp loại: Tốt

2	Đề tài: Nghiên cứu đánh giá tính dễ bị tổn thương của tuyến đường quốc lộ vùng núi bằng công nghệ viễn thám và GIS (Đoạn Quốc lộ 6 thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình).	CN	179-2018/KHXD-TĐ Cấp cơ sở trọng điểm	Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2019	Biên bản đánh giá kết quả đề tài NCKH cấp trường ngày 22/01/2019 và Giấy xác nhận của phòng Khoa học Công nghệ về việc hoàn thành đề tài ngày 20/6/2024. Xếp loại: Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng mô hình trí tuệ nhân tạo trong đánh giá ảnh hưởng của tai biến trượt lở đất tới khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	CN	B2022-XDA-09 Cấp Bộ Giáo dục và đào tạo	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2024	Biên bản đánh giá kết quả đề tài NCKH cấp Bộ ngày 03/6/2024 và Giấy xác nhận của phòng Khoa học Công nghệ về việc hoàn thành đề tài ngày 20/06/2024. Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
A	Trước khi được công nhận Tiến Sĩ							
A.1	<i>Bài báo Tiếng Việt</i>							
1	Ảnh viễn thám và một số kỹ thuật phân tích phổ biến hiện nay ở Việt Nam. <i>Link bài báo:</i> https://stce.huce.edu.vn/index.php/vn/article/view/317	1	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng/ ISSN: 1859-2996			10(4), tr.63-67	08, 2016

2	Nghiên cứu ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu hành lang an toàn đường bộ, thí điểm tại một số khu vực dọc quốc lộ 6	4	X	Tạp Chí Tài nguyên và Môi trường / ISSN: 1859-1477			7 (261), tr.20-22	04, 2017
3	Ứng dụng ảnh viễn thám độ phân giải siêu cao trong cập nhật thông tin trên bản đồ địa chính, thí điểm tại Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. <i>Link bài báo:</i> https://tapchi.humg.edu.vn/images/paper/13.%20Ha%20Thi%20Hang.pdf	5	X	Tạp Chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất / ISSN: 1859-1469			58(3), tr.92-98	12, 2017
4	Ứng dụng viễn thám độ phân giải cao trong phát hiện thay đổi kích thước hình học mặt đường bộ tại Việt Nam, thí điểm tại một số khu vực dọc quốc lộ 6 thuộc tỉnh Hòa Bình. <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.54607/hcmue.js.15.6.108(2018)	1	X	Tạp Chí Khoa học Trường ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh / ISSN: 1859-3100		4	15(6), tr.107-117	06, 2018
5	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong giám sát chất lượng mặt đường bộ, thí điểm tại một số khu vực dọc quốc lộ 6 thuộc tỉnh Hòa Bình. <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.54607/hcmue.js.15.9.2641(2018)	1	X	Tạp Chí Khoa học Trường ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh / ISSN: 1859-3100		4	15(9), tr.86-94	09, 2018
6	Ứng dụng Landsat-8 TIRS và GIS trong tự động lập bản đồ nhiệt	1	X	Kỷ yếu hội nghị toàn quốc khoa học Trái đất và tài			tr.128-131	12, 2018

	độ bề mặt, thí điểm tại Hồ Tây, Hà Nội			nguyên với phát triển bền vững (ERSD) / ISBN: 978-604-76-1753-1				
7	Ứng dụng GIS trong đánh giá mức độ thuận lợi cho một số loại hình phát triển chính ở tỉnh Nghệ An	3		Kỷ yếu hội nghị toàn quốc khoa học Trái đất và tài nguyên với phát triển bền vững (ERSD) / ISBN: 978-604-76-1753-1			tr. 281-287	12, 2018
8	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong phát hiện thay đổi kích thước hình học mặt đường bộ tại Việt Nam, thí điểm tại một số khu vực dọc quốc lộ 6 thuộc tỉnh Hòa Bình	2	X	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XI, Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế / ISBN: 978-604-9822-66-7			tr.782-788	04, 2019
9	Khảo sát khả năng thành lập bình đồ đáy hồ bằng tàu không người lái (USV) tại khu vực hồ Đền Lừ, Thành phố Hà Nội <i>Link bài báo:</i> https://tapchi.humg.edu.vn/images/paper/bai5tap60ky4.pdf	5	X	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất / ISSN: 1859-1469			60(4), tr.41-48.	08, 2019
10	Ứng dụng Matlab trong lập bình đồ đáy hồ Đền Lừ - Hà Nội từ dữ liệu tàu không người lái (USV)	1	X	Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc lần thứ 11, Trường Đại học Tây Nguyên / ISBN: 978-604-60-3104-8			tr.124-132	11, 2019
A.2	Bài báo Tiếng Anh							
11	A review of the management of road corridors by using remote sensing and	1	X	International Symposium on Geo-spatial and mobile mapping technology,			145-149	05, 2016

	GIS over the world and in Vietnam			ISBN: 978-604-93-8868-2				
12	A review of the management of road corridors by using GIS over the world and in Vietnam	4	X	Proceedings of the 2016 International Conferences on Earth Sciences and Sustainable Geo-Resources Development (ESASGD- 2016), ISBN: 978-604-76-1171-3			154-159	11, 2016
13	First-order theory of perturbed orbit calculating	7		Proceedings of the 2016 International Conferences on Earth Sciences and Sustainable Geo-Resources Development (ESASGD- 2016), ISBN: 978-604-76-1171-3			378-383	11, 2016
14	Using GIS to assess natural hazards in Hoa Binh, Son La and Dien Bien provinces, Vietnam	3		Proceedings of the 2016 International Conferences on Earth Sciences and Sustainable Geo-Resources Development (ESASGD- 2016), ISBN: 978-604-76-1171-3			389-395	11, 2016
15	Application of Geographic Information System (GIS) and remote sensing (RS) in road monitoring: A case study in Hoa Binh city and environs, Vietnam	5	X	Proceedings of the International Conference on Geo-spatial Technologies and Earth Resources (GTER 2017), ISBN: 978-604-913-618-4			223-227	10, 2017
16	Application of the multi-temporal Landsat in measuring changes of coal mining area: A case	5	X	Proceedings of the International Conference on Geo-spatial Technologies and Earth Resources			377-380	10, 2017

	study at Ha Tu Mine, Quang Ninh Province			(GTER 2017), ISBN: 978-604-913-618-4				
17	Landslide vulnerability zonation mapping using GIS and remote sensing methodology: A case study on Highway 6, Hoa Binh province	1	X	Proceedings of the 2018 International Conferences on GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth & Applied Sciences (GIS-IDEAS - 2018), ISBN: 978-604-965-115-1		1	199-204	11, 2018
18	Application of remote sensing and GIS for flood vulnerability and mitigation: A case study of flood affected Highway 6, Hoa Binh province	1	X	Proceedings of the 2018 International Conferences on GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth & Applied Sciences (GIS-IDEAS - 2018), ISBN: 978-604-965-115-1			205-210	11, 2018
B	Sau khi được công nhận Tiến Sĩ							
B.1	Bài báo Tiếng Việt							
19	Nghiên cứu ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong đo vẽ hoàn công kích thước hình học cầu đường bộ	2	X	Kỷ yếu Hội nghị địa lý toàn quốc lần thứ XII, Trường Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh / ISBN: 978-604-334-789-0			tr.785 – 792	08, 2021
20	Nghiên cứu thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất bằng máy bay không người lái (UAV)	3	X	Kỷ yếu Hội nghị địa lý toàn quốc lần thứ XII, Trường Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh / ISBN: 978-604-334-789-0			tr.793 - 799	08, 2021

21	Giải pháp xử lý số liệu đo bằng một số thiết bị cảm biến trong quan trắc chuyên dịch ngang công trình	7		Hội nghị khoa học quốc gia về công nghệ địa không gian trong Khoa học Trái đất và môi trường, Trường Đại học Mỏ - Địa chất / ISBN: 978-604-913-248-3			tr. 127-136	10, 2021
22	Ứng dụng Landsat 8 và GIS trong phân tích hiện tượng đảo nhiệt đô thị	3	X	Hội nghị khoa học quốc gia về công nghệ địa không gian trong Khoa học Trái đất và môi trường, Trường Đại học Mỏ - Địa chất / ISBN: 978-604-913-248-3			tr. 241-248.	10, 2021
23	Nghiên cứu ứng dụng GIS và ngôn ngữ lập trình Python trong xây dựng bản đồ du lịch trực tuyến quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	3	X	Hội nghị khoa học quốc gia về công nghệ địa không gian trong Khoa học Trái đất và môi trường, Trường Đại học Mỏ - Địa chất / ISBN: 978-604-913-248-3			tr.291-297	10, 2021
24	Nghiên cứu chế độ bay UAV trong khảo sát địa hình công trình dạng tuyến - ứng dụng cho đoạn đường đê Xuân Quan, Hà Nội <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/stce.huce(nuce)2021-15(7V)-12	7		Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây Dựng	ACI	3	15(7V), tr. 131-142	11, 2021
25	Đánh giá tác động của lớp phủ đến nhiệt độ bề mặt đất và phân bố không gian nhiệt độ tại một số tuyến đường trên địa bàn	4		Tạp chí Khoa học công nghệ Xây Dựng	ACI	1	15(7V), tr. 143-155	11, 2021

	Thành phố Hà Nội bằng ảnh viễn thám <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/stce.huce(nuce)2021-15(7V)-13							
26	Nghiên cứu các phương án xử lý kết hợp số liệu của nhiều hệ thống định vị vệ tinh trong mạng lưới GNSS. <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/stce.huce(nuce)2021-15(7V)-14	5		Tạp chí Khoa học công nghệ Xây Dựng	ACI	5	15(7V), tr. 156-166	11, 2021
27	Nghiên cứu ứng dụng máy bay không người lái trong xác định kích thước và thể tích bề chứa nổi <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/stce.huce(nuce)2022-16(3V)-02	6	X	Tạp chí Khoa học công nghệ Xây Dựng	ACI	3	16(3V), tr. 7-20.	07, 2022
28	Đánh giá ảnh hưởng của lũ lụt khu vực tỉnh Quảng Bình sử dụng Google Earth Engine và các phân tích không gian <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/stce.huce(nuce)2022-16(5V)-09	4	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng	ACI		16(5V), tr.101-113	09, 2022
29	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tỷ số tần suất kết hợp GIS trong xây dựng bản đồ nguy cơ trượt lở đất huyện Pác Nặm–tỉnh Bắc Kạn <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/stce.huce(nuce)2023-17(1V)-90	4	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng	ACI		17(1V), tr.75-90	02, 2023

	14/10.31814/stce.huace(nuce)2023-17(1V)-07							
30	So sánh phương pháp phân tích thứ bậc (AHP) và tỷ số tần suất (FR) trong đánh giá tính nhạy cảm với trượt lở đất. Trường hợp nghiên cứu tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. <i>Link bài báo:</i> http://doi.org/10.46326/JMES.2023.64(2).08	11		Tạp chí Khoa học Mỏ và Trái đất			64(2), tr.79-90	04, 2023
31	Ứng dụng dữ liệu Sentinel-5P Tropomi trên nền tảng Google Earth Engine trong theo dõi ô nhiễm không khí tại thành phố Thái Nguyên <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/10.31814/stce.huace2023-17(2V)-06	3	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng	ACI		17(2V), 78-94	05, 2023
32	Nghiên cứu đánh giá sự tương quan số liệu đo mặn giữa các trạm quan trắc bằng phương pháp hệ số tương quan r	4		Hội nghị toàn quốc Trắc địa công trình vì sự phát triển bền vững (ESSD 2023) / ISBN: 978-604-357-178-3			tr.41-50	11, 2023
33	Nghiên cứu ứng dụng GIS trong quản lý thông tin quy hoạch xây dựng đô thị tại xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	3	X	Hội nghị toàn quốc Trắc địa công trình vì sự phát triển bền vững (ESSD 2023) / ISBN: 978-604-357-178-3			tr.51-58	11, 2023
34	Xây dựng mô hình nhạy cảm nguy cơ trượt lở đất bằng hàm niềm tin bằng chứng (EBF) tại khu vực	9		Hội nghị toàn quốc Trắc địa công trình vì sự phát triển bền vững (ESSD 2023)			tr.65-74	11, 2023

	huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái			/ ISBN: 978-604-357-178-3				
35	<p>Nghiên cứu ứng dụng thuật toán của Breiman tích hợp trong phương pháp Random Forest để xác định mức độ quan trọng của các yếu tố tới tai biến trượt lở đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.</p> <p><i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.46326/JMES.2024.65(1).03</p>	8	X	Tạp chí khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất			65(1), tr.22-36	02, 2024
B.2	Bài báo Tiếng Anh							
36	<p>Spatial prediction of landslides along National Highway-6, Hoa Binh province, Vietnam using novel hybrid models</p> <p><i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.1080/10106049.2021.1912195</p>	12	X	Geocarto International	SCIE (IF=3.8; Q1)	16	37(18), 5201-5226.	03, 2021
37	<p>Flash flood susceptibility prediction mapping for a road network using hybrid machine learning models</p> <p><i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.1007/s11069-021-04877-5</p>	8	X	Natural Hazards	SCIE (IF=3,158; Q1)	41	109 (1), 1247-1270	06, 2021
38	<p>Landslide susceptibility mapping along National Highway-6, Hoa Binh province, Vietnam using Frequency ratio model and GIS</p>	4		International Journal of GEOMATE	Scopus (IF=0.85; Q3)	5	21(85), 84-90	07, 2021

	<p>Link bài báo: https://doi.org/10.21660/2021.85.j2222</p>							
39	<p>Application of Shannon's Entropy model and GIS in flash flood forecasting along National Highway-6, Hoa Binh province, Vietnam</p> <p>Link bài báo: https://doi.org/10.21660/2021.87.j2316</p>	4	X	International Journal of GEOMATE	Scopus (IF=0.85; Q3)	9	21(87), 50-57	10, 2021
40	<p>A practical approach to flood hazard, vulnerability, and risk assessing and mapping for Quang Binh province, Vietnam</p> <p>Link bài báo: https://doi.org/10.1007/s10668-021-02041-4</p>	6	X	Environment, Development and Sustainability	SCIE (IF=4.9; Q1)	37	25(2), 1101-1130	01, 2022
41	<p>A machine learning approach in spatial predicting of landslides and flash flood susceptible zones for a road network</p> <p>Link bài báo: https://doi.org/10.1007/s40808-022-01384-9</p>	8	X	Modeling Earth Systems and Environment	Scopus (IF=3.0; Q1)	11	8(4), 4341-4357	04, 2022
42	<p>Prediction of Flash Flood Susceptibility of Hilly Terrain Using Deep Neural Network: A Case Study of Vietnam</p> <p>Link bài báo: http://dx.doi.org/10.32604/cmcs.2023.022566</p>	10		CMES-Computer Modeling in Engineering & Sciences	SCIE (IF=2.4; Q3)	2	135(3), 2219-2241	05, 2022

43	Retrieval and evaluation of Aerosol Optical Depth (AOD) MCD19A2 product 1km spatial resolution from Modis remote sensing imagery over urban areas	8		International Conference: Technology in natural disaster prevention and risk reduction			255-263	08, 2022
44	Flood risk mapping and analysis using an integrated framework of machine learning models and analytic hierarchy process <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.1111/risa.14018	6		Risk Analysis	SCI (IF=4,302; Q1)	8	43(7), 1478-1495	11, 2022
45	Landslide susceptibility prediction mapping with advanced ensemble models: Son La province, Vietnam <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.1007/s11069-022-05764-3	7		Natural Hazards	SCIE (IF=3,158; Q1)	13	116(2), 2283-2309	12, 2022
46	An analysis of the relative variable importance to flood fatality using a machine learning approach <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/stce.nuce2023-17(1)-10	2	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering (STCE) - HUCE	ACI	2	17(1), 125-136	03, 2023
47	Flash flood and landslide susceptibility analysis for a mountainous roadway in Vietnam using spatial modeling <i>Link bài báo:</i>	7		Quaternary Science Advances	Scopus (Q2)	11	11, 10083	04, 2023

	https://doi.org/10.1016/j.qsa.2023.100083							
48	Urban flood risk assessment using Sentinel-1 on the Google Earth Engine: A case study in Thai Nguyen city, Vietnam <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.1016/j.rsase.2023.100987	5		Remote Sensing Applications: Society and Environment, ISSN: 2352-9385	Scopus (Q1)	4	31, 100987	05, 2023
49	Building drought classification map with landsat 8 image data in Bac Binh district, Binh Thuan province <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/stce.huce2023-17(2)-11	4	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering (STCE) - HUCE	ACI		17(2), 120-132	06, 2023
50	Comparison of Multi-Criteria Decision Making, Statistics, and Machine Learning Models for Landslide Susceptibility Mapping in Van Yen District, Yen Bai Province, Vietnam <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.52939/ijg.v19i7.2743	10		International Journal of Geoinformatics,	Scopus	3	19(7), 33-45	07, 2023
51	Landslide spatial prediction utilizing fuzzy unordered rules induction ensemble models: a case study in Thai Nguyen, Vietnam <i>Link bài báo:</i> http://doi.org/10.1007/s40808-023-01888-y	9	X	Modeling Earth Systems and Environment	Scopus (IF=3.0; Q1)		10(2), 2201-2219	12, 2023

52	Application of the bayesian model averaging algorithm in evaluating and selecting optimal salinity prediction models <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/stce.huce2023-17(4)-10	5		Journal of Science and Technology in Civil Engineering (JSTCE)-HUCE	ACI		17(4), 122-136.	12, 2023
53	Improving the forecast performance of landslide susceptibility mapping by using ensemble gradient boosting algorithms <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.1007/s10668-024-04694-3	6	X	Environment, Development and Sustainability	SCIE (IF=4.9; Q1)		1-35	02, 2024
54	Mekong delta salinity risk assessment using spatial analysis and the Iyengar-sudarshan method <i>Link bài báo:</i> https://doi.org/10.31814/stce.huce2024-18(2)-10	4		Journal of Science and Technology in Civil Engineering (JSTCE)-HUCE.	ACI		18(2), 130-148.	05, 2024

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 09 bài báo, số thứ tự 36, 37, 39, 40, 41, 46, 49, 51, 53.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	-	-	-	-	-	-

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 02 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: **Không**

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì **02** nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: **Không**

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 09 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: *Không*

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Hà Thị Hằng